

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-5-2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Trí.

Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng Th, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Hàng Minh D, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15/12/2020, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng Th trình bày: Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D kết hôn vào năm 1997. Đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 04/8/2003. Sau khi kết hôn, bà Th và ông D sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn hợp nhau trong cuộc sống, ông D vũ phu, bạo hành với bà nhiều lần, nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà Phạm Thị Hồng Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hàng Minh D.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D có ba người con chung là cháu Hàng Phạm Thảo V, sinh ngày 25/5/1999 (đã trưởng thành); Hàng Phạm Thảo Tr, sinh ngày 08/3/2006; Hàng Phạm Thảo H, sinh ngày 08/3/2014. Con chung hiện đang sống với bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được quyền nuôi con chung Hàng Phạm Thảo H, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đồng ý giao con chung Hàng Phạm Thảo Tr cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Th không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Hàng Phạm Thảo V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hàng Minh D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Hàng Minh D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông D không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2021, con chung từ 07 tuổi trở lên cháu Hàng Phạm Thảo Tr trình bày: Nếu cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2021, con chung từ 07 tuổi trở lên cháu Hàng Phạm Thảo H trình bày: Nếu cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Hàng Minh D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hồng Th; Về con chung: Đối với con chung Hàng Phạm Thảo V, sinh ngày 25/5/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Giao cho ông Hàng Minh D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hàng Phạm Thảo Tr, sinh ngày 08/3/2006 đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu

Tr); Giao cho bà Phạm Thị Hồng Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hàng Phạm Thảo H, sinh ngày 08/3/2014 đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu H). Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Hàng Minh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D kết hôn vào năm 1997. Đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/8/2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông D về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 404/TB-TLVA ngày 28/12/2020, thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D, nhưng ông D vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông D, vì hiện nay bà Th và D không còn hạnh phúc, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà Th và ông D không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hồng Th.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D có ba người con chung là Hàng Phạm Thảo V, sinh ngày 25/5/1999 (đã trưởng thành); Hàng Phạm Thảo Tr, sinh ngày 08/3/2006; Hàng Phạm Thảo H, sinh ngày 08/3/2014. Con chung hiện nay đang sống với bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D. Bà Th đồng ý giao con chung là Hàng Phạm Thảo Tr cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Th không cấp dưỡng nuôi con. Bà Th yêu cầu được quyền nuôi con chung Hàng Phạm Thảo H, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đối với Hàng Phạm Thảo V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2021, cháu Hàng Phạm Thảo Tr trình bày nếu cha và mẹ cháu

ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2021, cháu Hàng Phạm Thảo H trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu Tr và cháu H nêu trên là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống quen Thộc và cuộc sống hiện tại của hai cháu, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho ông D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hàng Phạm Thảo Tr đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu Tr); Giao cho bà Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hàng Phạm Thảo H đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu H). Đối với con chung là Hàng Phạm Thảo V, sinh ngày 25/5/1999, đã đủ tuổi trưởng thành, nên không đặt ra xem xét. Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai Th số 0007465 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Th đã thực hiện xong.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng Th được quyền ly hôn với ông Hàng Minh D.

- Về con chung: Giao cho ông Hàng Minh D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hàng Phạm Thảo Tr, sinh ngày 08/3/2006 đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu Tr); Giao cho bà Phạm Thị Hồng Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hàng Phạm Thảo H, sinh ngày 08/3/2014 đến đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu H). Đối với con chung là Hàng Phạm Thảo V, sinh ngày 25/5/1999, đã đủ tuổi trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Hồng Th và ông Hàng Minh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai Th số 0007465 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Th đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa Thận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện X;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ